

Bản án số: 389/2022/DS-ST  
Ngày 30-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Bích Loan

Ông Võ Thành Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2022/QĐHPT-DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường 8, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984. (Giấy ủy quyền số 064/2021/UQ-TTT ngày 06 tháng 12 năm 2021); (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê L, sinh năm 1969; Cư trú tại: Số 215 đường O, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 07/01/2016, ông Lê L có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 584.543.873 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Lê L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lê L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 638.084.135 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

Các khoản phí, lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí, lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông Lê L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại Thời điểm này là 9.488.534 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 10/8/2022, ông Lê L còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 9.488.534 đồng. Lãi quá hạn: 63.956.211 đồng. Tổng cộng: 73.444.745 đồng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Lê L phải trả ngay cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 73.444.745 đồng bao gồm 9.488.534 đồng tiền nợ gốc và 63.956.211 đồng tiền lãi quá hạn.

Bị đơn, ông Lê L trình bày: Theo hợp đồng photo ông còn giữ thì ngày 07/01/2016 ông có ký hợp đồng mở thẻ tín dụng tại Sacombank. Thẻ tín dụng của ông có hạn mức 80.000.000 đồng và vẫn thanh toán các khoản đúng hạn. Thời điểm ký hợp đồng mở thẻ tín dụng ông đã đọc hợp đồng và đọc Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và đã thực hiện đúng quy định của hợp đồng tín dụng cũng như quy định của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trong việc thanh toán dư nợ.

Lần cuối cùng do ông bận công việc nên có chậm trễ thanh toán vài ngày nên nhân viên S có gọi điện thoại cho ông, ông đã hứa thanh toán ngay, tuy nhiên sau đó nhân viên S liên tục gọi điện thoại và gửi thư đóng dấu nhắc nợ ngoài phong bì đến nhà riêng và công ty của ông. Tiếp theo S phong tỏa tài khoản thanh toán của ông mà không thông báo các khoản tiền chuyển vào tài khoản thanh toán của ông thì ông không nhận được thông báo đến. Khi S phong tỏa trong tài khoản của ông vẫn còn tiền để thanh toán khoản nợ đến hạn. Ông L đã nhiều lần liên hệ với S tại phòng giao dịch Thanh Lộc và số điện thoại trên SMS nhắc nợ để yêu cầu làm việc giải quyết nhưng chỉ nhận được lời hứa mà không thấy S gặp để giải quyết.

Ông L cho rằng, ông đủ khả năng để trả các khoản nợ trong thẻ tín dụng. Tuy nhiên xét thấy việc phát sinh nợ quá hạn là do S cố tình gây ra nên ông yêu cầu chuyển khoản nợ gốc về lại thời điểm S khóa tài khoản Thanh toán của ông và ông sẽ trả các khoản nợ theo đúng thứ tự. Tôi chỉ đồng ý thanh toán toàn bộ nợ gốc là 9.488.534 đồng còn lãi quá hạn tôi không đồng ý thanh toán vì đây là lỗi của Ngân hàng S.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Lê L phải trả cho Ngân hàng S số tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng 07/01/2016 với số tiền tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 74.073.830 đồng, bao gồm nợ gốc là 9.488.534 đồng và lãi quá hạn là 64.585.296 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Bị đơn ông Lê L không có ý kiến về lãi suất do Ngân hàng đưa ra vì cho rằng đây là cách tính lãi của Ngân hàng, ông Sơn cho Ngân hàng S được quyền phong tỏa tài khoản tiền gửi của ông nhưng ông cho rằng Ngân hàng S phong tỏa mà không thông báo trước cho ông là không đúng, việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông không đồng ý chịu khoản tiền lãi quá hạn 64.585.296 đồng. Ông Lê L thừa nhận ngày 15/9/2020 ông có nhận được thông báo “Hỗ trợ giải đáp yêu cầu khiếu nại về việc phong tỏa tài khoản tiết kiệm do thẻ tín dụng nợ quá hạn” nhưng ông cho rằng ông không được thông báo trước về việc phong tỏa mà chỉ sau khi bị phong tỏa Ngân hàng mới báo cho ông như vậy là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S và ông Lê L ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 80.000.000 đồng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông Lê L có địa chỉ tại số 215 đường O, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

*Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 74.073.830 bảy mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 9.488.534 đồng và 64.585.296 đồng lãi quá hạn, phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/01/2016, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Ngày 07/01/2016, ông Lê L và Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 80.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Lê L đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 638.084.135 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng theo thứ tự: Các khoản phí, lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí, lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông Lê L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 06/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 9.488.534 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại.

Ông Lê L cho rằng việc Ngân hàng S tự động khóa tài khoản 060111038778 của ông và tự động chuyển tiền trong tài khoản 060111038778 của ông mà không thông báo cho ông là không đúng. Ông đủ khả năng trả các khoản nợ trong thẻ tín dụng và việc phát sinh nợ quá hạn là do S gây ra nên ông chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 9.488.534 đồng và không đồng ý thanh toán nợ quá hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký giữa Ngân hàng S và ông Lê L; Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; các tài liệu do Ngân hàng S và ông Lê L cung cấp thì sau khi ông Lê L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng S đã yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhiều lần và bản thân ông Sơn cũng thừa nhận là Ngân hàng đã liên tục gọi điện và gửi thư yêu cầu thanh toán đến nhà riêng cũng như Công ty của ông nhưng ông vẫn không thanh toán dù ông thừa nhận là mình đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ này, như vậy ông Lê L biết mình vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng S. Ngày 15 tháng 9 năm 2020 Ngân hàng S đã gửi email thông báo nội dung Ngân hàng đã *“phong tỏa tài khoản số 060111038778 ngày 17/8/2020, số tiền phong tỏa theo sự nợ 85.000.000 đồng, tại thời điểm phong tỏa số dư trong tài khoản còn 2.747.007 đồng”* và đề nghị ông L thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, đây là địa chỉ email ông L cung cấp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký giữa Ngân hàng S và ông Lê L, ông L cũng thừa nhận có nhận được thông báo này, đồng thời căn cứ vào các Biên bản làm việc ngày 02 tháng 12 năm 2021 và ngày 03 tháng 12 năm 2021 do ông Lê L cung cấp thì Ngân hàng S đã thông báo về việc phong tỏa tài khoản tiền gửi cho ông Lê L và thông báo số dư trong tài khoản cho ông L. Tại Điều 23 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực ngày 21/9/2015 quy định về trường hợp khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán: *“Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho Đơn vị phát hành thẻ có quyền trích tiền từ các loại tài khoản tiền gửi/tài khoản tiết kiệm để thanh toán cho các bất kỳ hoặc tất cả các dư nợ mà chủ thẻ chính có tại Sacombank mà không cần có sự xác nhận hay đồng ý trước của Chủ thẻ”*.

Vì vậy, việc Ngân hàng tiến hành khóa tài khoản tiền gửi số 060111038778 và tiến hành trích số tiền 82.401.475 đồng để thu hồi nợ gốc của thẻ tín dụng là căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng S và ông Lê L. Đây là thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 74.073.830 (bảy mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 9.488.534 đồng và 64.585.296 đồng lãi quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ vốn và lãi có cơ sở chấp nhận.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 74.073.830 (bảy mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 9.488.534 đồng và 64.585.296 đồng lãi quá hạn, phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/01/2016. Kể từ ngày 01/10/2022, ông Lê L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.703.691 đồng. Hoàn tiền tạm nộp án phí là 2.479.422 đồng cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S: Buộc ông Lê L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2022

là 74.073.830 bảy mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 9.488.534 đồng và 64.585.296 đồng lãi quá hạn, phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/01/2016, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2022, ông Lê L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 07 tháng 01 năm 2016 cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 3.703.691 đồng ông Lê L phải chịu. Hoàn tiền tạm nộp án phí là 2.479.422 đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu số 0047951 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Ngân hàng TMCP S, ông Lê L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKS quận Gò Vấp;
- Đường sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng**